

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 9 năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 603/TTr-TNMT ngày 16/9/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số nhà 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Bệnh viện TNH Việt Yên”, địa chỉ tại khu đất y tế thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Bệnh viện TNH Việt Yên

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu đất y tế thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 46011039023 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/6/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 4601039023-003 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/5/2022.

1.4. Mã số thuế: 4601039023

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa thực hiện dịch vụ khám chữa bệnh, cấp cứu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Tại khu đất y tế thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 5.486,5m<sup>2</sup>, gồm các hạng mục công trình sau: Khối nhà chính cao 15 tầng diện tích mặt bằng 2.158 m<sup>2</sup> và các công trình phụ trợ khác như: nhà khí y tế + xưởng sửa chữa, nhà bảo vệ, bãi đỗ xe,...

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Bệnh viện khám chữa bệnh, cấp cứu y tế với quy mô 300 giường bệnh, bộ phận chuyên môn gồm 10 khoa:

+ Khoa nội: 75 giường;

+ Khoa ngoại: 60 giường;

+ Khoa phụ sản: 36 giường;

+ Khoa nhi: 35 giường;

+ Khoa mắt: 10 giường;

+ Khoa tai mũi họng: 10 giường;

+ Khoa răng hàm mặt: 10 giường;

+ Khoa truyền nhiễm: 20 giường;

+ Khoa cấp cứu - hồi sức tích cực và chống độc: 24 giường;

+ Khoa y học cổ truyền: 20 giường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế Thái Nguyên được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế Thái Nguyên có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành. Các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Bệnh viện TNH Việt Yên” tại khu đất y tế thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế Thái Nguyên được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Y tế; UBND huyện Việt Yên, UBND thị trấn Bích Động; Công ty cổ phần bệnh viện quốc tế Thái Nguyên và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các khu vệ sinh trong bệnh viện.
- Nguồn số 2: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, xét nghiệm, kho bản, tiệt khuẩn dụng cụ, phòng giặt đồ.
- Nguồn số 3: Nước thải nấu ăn phát sinh từ khu nhà bếp của bệnh viện.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 285m<sup>3</sup>/ngày.đêm đầu nối với hệ thống thoát nước thải khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải của khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên dọc trục chính giao thông theo phương thức tự chảy.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm tại hố ga đầu nối nước thải của dự án với hệ thống thoát nước thải của khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên theo hướng NT01, vị trí hố ga tại góc phía Đông Bắc dự án cách đường lên hầm khoảng 10m.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X=2352753; Y= 406838

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 285 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; tương đương với khoảng 12 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi được xử lý qua trạm xử lý nước thải được xả ra theo đường ống D110 chiều dài khoảng 260m ra hệ thống cống thoát nước thải của khu dân cư theo phương thức bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi thoát vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom thoát nước thải của khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể:

\* Giai đoạn hiện tại (nước thải của dự án chưa được đưa về trạm xử lý nước thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của thị trấn Bích Động huyện Việt Yên,

hiện tại trạm xử lý nước thải của thị trấn Bích Động chưa được đầu tư xây dựng theo Quy hoạch chung đô thị huyện Việt Yên):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5-8,5	-
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
15	Vibro cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

\* Giai đoạn sau khi thị trấn Bích Động được xây dựng và vận hành trạm xử lý nước thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện Việt Yên:

Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định của đơn vị quản lý vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của thị trấn Bích Động công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành trạm xử lý nước thải tập trung thị trấn Bích Động chưa có quy định về chất lượng nước thải khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của thị trấn Bích Động thì Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có trách nhiệm tiếp tục xử lý nước thải của dự án đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu vực xung quanh dự án.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Tại các phòng thủ thuật, phòng mổ, phòng pha chế, kho bản được khử khuẩn bằng Cloramin trước khi thực hiện rửa sạch các phòng. Nước rửa y tế từ các phòng trên được thu vào các ống đứng thoát nước rửa y tế riêng sau đó được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, như sau:

+ Hệ thống ống đứng thoát nước rửa y tế từ rửa pha chế, kho bản (TRYT1): nước rửa kho bản từ các tầng được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính D90mm và độ dốc là 2% về hướng đường ống đứng thoát nước rửa y tế bằng ống nhựa PVC đường kính D110mm với tổng chiều dài khoảng 53m. Sau đó nước rửa y tế từ rửa pha chế, kho bản tiếp tục được đưa về hệ thống ống treo trần tầng hầm bằng nhựa PVC đường kính 200mm, độ dốc 0,5% về trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

+ Hệ thống ống đứng thoát nước rửa y tế phát sinh từ phòng mổ, phòng thủ thuật (TRYT2): nước rửa y tế phát sinh từ phòng mổ, phòng thủ thuật phát sinh từ các tầng được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính D90mm, D75MM độ dốc là 2% về hướng đường ống đứng thoát nước rửa y tế bằng ống nhựa PVC đường kính D110mm, với tổng chiều dài khoảng 50m. Sau đó nước rửa y tế từ phòng mổ, phòng thủ thuật tiếp tục được đưa về hệ thống ống treo trần tầng hầm bằng nhựa PVC đường kính 200mm, độ dốc 0,5% về trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

- Nước rửa y tế từ phòng lavabol (TRYT3): được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính D90mm và độ dốc là 2% về hướng đường ống đứng thoát nước rửa lavabol bằng ống nhựa PVC đường kính D90mm với tổng chiều dài là 9,3m. Sau đó nước rửa lavabol tiếp tục được đưa về hệ thống ống treo trần tầng hầm bằng nhựa PVC đường kính 200mm, độ dốc 0,5% về trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

- Nước rửa y tế từ phòng nội soi (TRYT4): được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính D90mm, độ dốc là 2% về hướng đường ống đứng thoát nước rửa nội soi bằng ống nhựa PVC đường kính D90mm với tổng chiều dài là 9,3m. Sau đó nước rửa nội soi tiếp tục được đưa về hệ thống ống treo trần tầng hầm bằng nhựa PVC đường kính 200mm, độ dốc 0,5% về trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

- Nước rửa y tế từ phòng xét nghiệm (TRYT5): được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính D90mm, độ dốc là 2% về hướng đường ống đứng thoát nước rửa xét nghiệm bằng ống nhựa PVC đường kính D90mm với tổng chiều dài là 9,3m. Sau đó Nước rửa xét nghiệm tiếp tục được đưa về hệ thống ống treo trần tầng hầm bằng nhựa PVC đường kính 200mm, độ dốc 0,5% về trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

- Nước rửa y tế từ phòng khám, phòng siêu âm, phòng thủ thuật tầng 1 được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính D110 thẳng xuống hệ thống ống treo trần tầng hầm bằng nhựa PVC đường kính 200mm, độ dốc 0,5% về trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

- Nước xí, tiểu từ các khu vệ sinh phòng nội trú, wc công cộng được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, độ dốc 2% trước khi thoát vào các đường ống thoát đứng (19 đường) bằng ống nhựa PVC đường kính 110mm, tổng chiều dài đường ống là thu gom đứng là 659m. Nước thải từ các khu vệ sinh sau khi được thu gom qua các đường thoát đứng sẽ được thu gom về hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, đường kính 160mm, độ dốc 1% treo trần tầng 3, tầng 4 sau đó thoát vào đường thoát đứng bằng ống nhựa PVC đường kính 160mm trước khi vào đường thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 200mm treo trần tầng hầm về bể tự hoại thể tích 127m<sup>3</sup> trước khi qua trạm xử lý nước thải tập trung của dự án. Riêng hệ thống ống thu gom đứng TX1, TX16, TX20, nhà vệ sinh tầng 1 nước thải xí tiểu được thu gom từ các tầng thoát thẳng xuống đường thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 200mm treo trần tầng hầm về bể tự hoại, sau đó qua trạm xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài hệ thống tiếp nhận.

+ Nước thải xí tiểu từ các nhà vệ sinh tầng hầm được thu gom vào các hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, độ dốc 2% về bể tự hoại xây chìm thể tích 5m<sup>3</sup> đặt dưới tầng hầm sau đó được bơm cưỡng bức bằng máy bơm chìm qua hệ thống ống nhựa PVC đường kính 75mm lên hệ thống thu gom nước thải treo trần tầng hầm về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ khu vực giặt là được thu gom vào bể chứa nước giặt là riêng đặt ngầm tại tầng hầm rồi sau đó được bơm về Trạm xử lý nước thải qua đường ống nhựa PVC đường kính 75mm.

- Nước thải từ bếp ăn được thu gom bởi hệ thống ống nhựa PVC đường kính 140mm, độ dốc 1% về hệ thống thoát đứng bằng ống nhựa PVC đường kính 140mm, dài 56m xuống thẳng hệ thống ống dẫn treo tầng hầm thoát vào bể tách mỡ có thể tích 12m<sup>3</sup> đặt tại tầng hầm gần bể tự hoại 127m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ trước khi thoát vào Trạm xử lý nước thải.

- Nước tắm rửa từ các khu vệ sinh phòng nội trú, wc công cộng được thu gom qua đường ống nhựa PVC đường kính 90mm, độ dốc 2% trước khi thoát vào các đường ống thoát đứng (19 đường) bằng ống nhựa PVC đường kính 110mm, tổng chiều dài đường ống là thu gom đứng là 659m. Nước thải tắm rửa từ các khu vệ sinh sau khi được thu gom qua các đường thoát đứng sẽ được thu gom về hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 110mm, đường kính 160mm, độ dốc 1% treo trần tầng 2 sau đó thoát vào đường thoát đứng bằng ống nhựa PVC đường kính 160mm trước khi vào đường thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 200mm treo trần tầng hầm về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án. Riêng hệ thống ống thu gom đứng TR1, TR16, TR20, nhà vệ sinh tầng 1 nước tắm rửa được thu gom từ các tầng thoát thẳng xuống đường thu gom bằng ống nhựa PVC

đường kính 200mm treo trần tầng hầm về trạm xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài hệ thống tiếp nhận.

- Nước tắm rửa từ các nhà vệ sinh tầng hầm được thu gom vào các hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính 90mm, độ dốc 2% về ngăn chứa của bể tự hoại xây chìm thể tích 5m<sup>3</sup> đặt dưới tầng hầm sau đó được bơm cưỡng bức qua hệ thống ống nhựa PVC đường kính 75mm lên hệ thống thu gom nước thải treo trần tầng hầm về trạm xử lý nước thải tập trung.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải bệnh viện (sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, bể tách dầu mỡ) → bể gom tách rác 3 lớp → Bể điều hòa/bơm nước thải → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể màng MBR → Thiết bị khuấy trộn tĩnh (Khử trùng) → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B → Hệ thống thoát nước thải của dự án → Hệ thống thu gom thoát nước thải của khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải: 285 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Công nghệ xử lý: AO kết hợp màng MBR.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Chlorine sử dụng khoảng 1.026 kg/năm;

+ Hóa chất NaOH sử dụng khoảng 5.400 kg/năm;

+ Hóa chất Methanol sử dụng khoảng 2.880 lít/năm.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trong quá trình hoạt động của trạm xử lý nước thải, có lúc máy bơm, hệ thống cấp khí, hệ thống điện,... bị hư hỏng, không thể hoạt động được, dẫn đến chất lượng nước xử lý không đạt quy chuẩn. Vì vậy, để giảm thiểu các rủi ro, sự cố từ hệ trạm xử lý nước thải, thực hiện các giải pháp sau:

\* Biện pháp phòng ngừa:

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ trạm xử lý nước thải và từng công trình đơn vị. Trong đó, ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ trạm xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Công nhân có kinh nghiệm trong vận hành trạm xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Vận hành hệ thống đúng quy trình;

- Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.



- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

\* Biện pháp ứng phó:

- Khi sự cố của trạm xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của trạm xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình trạm xử lý nước thải.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

+ Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.

+ Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.

+ Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời. Tốt nhất nên trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Các sự cố về sinh khối:

+ Sinh khối nổi lên mặt nước: Kiểm tra tải lượng hữu cơ, các chất ức chế

+ Sinh khối phát triển tản mạn: Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO. Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiền xử lý hoặc giảm tải hữu cơ.

+ Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc: Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng.

- Tiến hành xử lý nhanh chóng sự cố xảy ra để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, ban quản lý sẽ đề xuất giải pháp thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 02 tháng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2023 đến ngày 03/12/2023)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 285m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Trước và sau xử lý của trạm xử lý nước thải công suất 285m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu vào Bể điều hòa nước thải	pH, BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β, Salmonella, Shigella, Vibro cholerae	Lấy 01 mẫu đơn. Thời gian dự kiến lấy mẫu ngày 01/11/2023	01 mẫu	QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải y tế, cột B
Đầu ra: nước thải sau xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường		Lấy mẫu 01 lần/ngày, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Lần 1: Ngày 01/12/2023 Lần 2: Ngày 02/12/2023 Lần 3: Ngày 03/12/2023	03 mẫu	

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải của khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO**  
**VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn phát sinh khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải của bệnh viện

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải của bệnh viện

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

- Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107, múi chiều 3): X= 2352793; Y= 406766

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** 3.500m<sup>3</sup>/giờ tương đương 84.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (01 ngày hoạt động 24 tiếng).

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:** Xả liên tục 24 giờ thông qua quạt hút cưỡng bức.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	7,5	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	50	-	
3	Metyl mercaptan (CH <sub>3</sub> SH)	mg/Nm <sup>3</sup>	-	15	
4	Metanol (CH <sub>3</sub> OH)	mg/Nm <sup>3</sup>	-	260	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bố trí 9 chụp hút (kích thước 600mm x 600mm) tại vị trí các bể xử lý, nhà điều hành của trạm xử lý bao gồm: Bể tách rác, bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể MBR, bể sục, bể chứa bùn, nhà điều hành. Mùi, khí thải sau đó theo các đường ống dẫn khí bằng thép không gỉ đường kính 300mm, tổng chiều dài đường ống khoảng 54m đưa về tháp hấp xử lý khí bằng quạt hút công suất 3.500 m<sup>3</sup>/h.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải => Lọc bụi qua khay lọc bụi => Hấp phụ bằng khay than hoạt tính => Thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 3.500m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 50 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị hút, thoát khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi qua trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố phải tìm nguyên nhân và tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** gồm 2 nguồn phát sinh tiếng ồn độ rung: 01 nguồn từ hệ thống máy phát điện; 01 nguồn từ máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

+ 01 vị trí tại máy phát điện. Tọa độ X: 2352828; Y: 406784 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107, múi chiều 3).

+ 01 vị trí tại khu vực máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ X: 2352789; Y: 406745 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107, múi chiều 3).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không quy định	Khu vực đặc biệt

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Không quy định	Khu vực đặc biệt

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đối với máy phát điện:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng.

+ Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng trong trường hợp mất điện lưới;

+ Đặt trong phòng kín cách xa khu vực phòng bệnh nhân và nơi đông người qua lại;

+ Xây dựng tường bao quanh để cách âm và có cửa cách âm.

+ Đặt cố định, chắc chắn để chống rung.

- Hệ thống xử lý nước thải được xây riêng biệt. Hệ thống máy móc như máy bơm, máy thổi khí được bảo dưỡng thường xuyên, siết chặt ốc vít hạn chế ồn rung phát sinh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm phát sinh thường xuyên:

Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm phát sinh: 124,7 kg/ngày; trong đó:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn phát sinh khoảng: 5,4 kg/ngày
- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn phát sinh khoảng: 109 kg/ngày
- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phát sinh khoảng: 1,7 kg/ngày
- Chất thải giải phẫu phát sinh khoảng: 8,6 kg/ngày

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm phát sinh thường xuyên

- Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất phát sinh khoảng: 3.970 kg/năm;

- Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất phát sinh khoảng: 1.560 kg/năm;

- Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất phát sinh khoảng: 180 kg/năm;

- Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi (Cd) phát sinh khoảng: 60 kg/năm;

- Pin, ắc quy thải bỏ phát sinh khoảng 36 kg/năm;

- Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất phát sinh khoảng 60kg/năm;

- Bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh khoảng 5 kg/năm;

- Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại (dầu, mỡ) phát sinh khoảng: 25 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

\* Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt từ sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách đến làm việc phát sinh

khoảng 318 kg/ngày.

\* Khối lượng, chủng loại chất thải y tế thông thường:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chuyên môn không dính máu, dịch sinh học và các chất hoá học nguy hại (Chai lọ thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, vỏ hộp thuốc bằng bìa cát tông, các loại bột bó trong gãy xương kín, bã thuốc dược liệu xông hơi); Chất thải rắn phát sinh từ công việc hành chính (Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng các tông, túi nilon, túi đựng phim) phát sinh khoảng 114 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm

- Thùng chứa:

+ Số lượng: 28 thùng chứa các loại (19 thùng chứa loại 25 lít/thùng, 07 thùng chứa loại 60 lít/thùng và 02 thùng chứa loại 80 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa màu vàng, có nắp đậy, có lót túi nilong màu vàng;

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng chứa 25 lít có thể chứa khoảng 20kg chất thải; thùng chứa 60 lít có thể chứa khoảng 50kg chất thải và thùng chứa 80 lít có thể chứa khoảng 70kg chất thải.

- Thiết bị bảo quản lạnh:

+ Số lượng: 01 thiết bị;

+ Quy cách, cấu tạo: Thiết bị bảo quản gồm 02 buồng; Dải nhiệt độ hoạt động:  $-18^{\circ}\text{C}$  đến  $0^{\circ}\text{C}$ ; Công suất trung bình: 2,4kw/h; Nguồn cấp điện 220v/50Hz

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: 300 kg.

2.1.2. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại chứa thành phần không lây nhiễm

- Thùng chứa:

+ Số lượng: 31 thùng chứa các loại (22 thùng chứa loại 25 lít/thùng, 02 thùng chứa loại 50 lít/thùng và 07 thùng chứa loại 100 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa màu đen, có nắp đậy, có lót túi nilong màu đen;

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng chứa 25 lít có thể chứa khoảng 20kg chất thải; thùng chứa 50 lít có thể chứa khoảng 40kg chất thải và thùng chứa 100 lít có thể chứa được 90 kg chất thải.

2.1.3. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: ngăn lưu chứa chất thải nguy hại rộng 8m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa:

+ Số lượng: 35 thùng chứa các loại (28 thùng chứa loại 25 lít/thùng, 01 thùng chứa loại 60 lít/thùng, 01 thùng chứa loại 80 lít/thùng, 02 thùng chứa loại 100 lít/thùng và 03 thùng chứa loại 150 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa màu xanh và trắng, có lót túi nilong màu tương ứng, có nắp đậy;

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng chứa 25 lít có thể chứa khoảng 20kg chất thải; thùng chứa 60 lít có thể chứa được 50 kg chất thải; thùng chứa 80 lít có thể chứa được 70 kg chất thải thùng chứa 100 lít có thể chứa được 90 kg chất thải và thùng chứa 150 lít có thể chứa được 140 kg chất thải.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: Ngăn lưu chứa chất thải y tế thông thường rộng 8m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Số lượng: 171 thùng chứa các loại (166 thùng chứa loại 80 lít/thùng, 05 thùng chứa loại 240 lít/thùng);

+ Quy cách, cấu tạo: Thùng chứa bằng nhựa màu xanh và trắng, có lót túi nilong màu tương ứng, có nắp đậy;

+ Khối lượng có khả năng lưu chứa: Thùng chứa 80 lít có thể chứa khoảng 70kg chất thải; thùng chứa 240 lít có thể chứa được 230 kg chất thải.

2.4.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: Ngăn lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt rộng 8m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: nền xi măng, bao quanh khu vực lưu chứa xây dựng tường bao, có mái che, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động đốt rác thải, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND  
ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

**Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tại Dự án đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực; Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 603/TTr-TNMT ngày 16/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.